

BẢO ĐẢM VÀ GIỮ VỮNG ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ VỀ KINH TẾ TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC

★ TS HỒ THANH THỦY

Viện Kinh tế chính trị học,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng là một trong mười mối quan hệ lớn đã được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là cần giải quyết trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bài viết làm rõ những thành tựu và thách thức, từ đó đề ra giải pháp xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

● **Từ khóa:** độc lập, tự chủ về kinh tế; kỷ nguyên phát triển mới.

1. Mở đầu

Độc lập, tự chủ về kinh tế là nền tảng vật chất bảo đảm cho độc lập, tự chủ về chính trị, là điều kiện cốt lõi để giữ vững chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong kỷ nguyên phát triển mới, yêu cầu nâng cao năng lực tự chủ kinh tế càng trở nên cấp thiết nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, giữ vững định hướng XHCN và chủ động ứng phó với các biến động bên ngoài. Bảo đảm và giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế không chỉ là mục tiêu phát triển mà còn là yêu cầu chiến lược của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên phát triển mới.

2. Nội dung

2.1. Thành tựu và thách thức trong xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của Việt Nam

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sau gần 40 năm

tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, nhờ đó tiềm lực và vị thế của đất nước được nâng lên tầm cao mới, bảo đảm cơ sở cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới - đưa Việt Nam trở thành nước XHCN giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Từ xuất phát điểm là một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, đến hết năm 2024, quy mô GDP của nước ta đạt 476,3 tỷ USD, tăng hơn 100 lần năm 1986, trong nhóm 32 nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới, thu nhập bình quân đầu người đạt 4.700 USD (so với khoảng 80 USD năm 1975). Ra khỏi thế bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại với hơn 230 nền kinh tế trên thế giới, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2024 đạt hơn 786 tỷ

USD, trong đó xuất khẩu lần đầu tiên vượt quá mốc 400 tỷ (xuất siêu hơn 24 tỷ USD), trở thành đối tác thương mại lớn thứ 22 toàn cầu. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực mỗi năm 2 triệu tấn, Việt Nam là một trong ba nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới.

Việt Nam đã tham gia 19 hiệp định thương mại tự do (FTA) đa phương và song phương (trong đó, có 16 FTA có hiệu lực và đang được thực thi, 4 FTA đang đàm phán). Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có độ mở kinh tế lớn nhất thế giới,

hội nhập quốc tế toàn diện và sâu sắc. Trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đến hết năm 2024, Việt Nam đã thu hút gần 502,8 tỷ USD vốn đăng ký, hiện nay có hơn 42.000 dự án đang hoạt động, vốn thực hiện ước đạt 332,5 tỷ USD.

Đặc biệt, Việt Nam đang chuyển trọng tâm thu hút FDI từ số lượng sang chất lượng, ưu tiên

các ngành công nghệ cao, bền vững; trong đó, năm 2024, thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Tập đoàn NVIDIA mở ra kỷ nguyên mới cho FDI chất lượng cao⁽¹⁾.

Kết cấu hạ tầng không ngừng được cải thiện, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể, Việt Nam đã có gần 26.000km đường quốc lộ, trong đó có khoảng 2.000km đường cao tốc; có 7 tuyến đường sắt, với 2.703km đường tuyến chính. Năm 2025, Quốc hội và Chính phủ đã thông qua và đang quyết liệt triển khai thực hiện Dự án đường sắt cao tốc Bắc - Nam. Cả nước có 22 sân bay dân sự đang hoạt động,

trong đó có 11 sân bay quốc tế. Về giao thông đường biển, có 34 cảng biển các loại với 02 cảng cấp đặc biệt, trên 100km cầu cảng. Mạng internet của Việt Nam phát triển rất nhanh chóng, mạng cáp quang đã kết nối đến 100% xã, hạ tầng băng thông di động đã phủ sóng hầu hết thôn, bản, tốc độ internet đứng thứ 32 toàn cầu. Đến giữa năm 2024, có 78,44 triệu người dùng internet, đạt 79,1% dân số; lượng thuê bao internet di động đạt trung bình 91,9 thuê bao trên 100 dân. Hạ tầng thông tin liên

lạc của Việt Nam đã chuyển thành hạ tầng số của nền kinh tế, mở ra cơ hội tiếp cận, trở thành công cụ phát triển kinh tế - xã hội⁽²⁾.

Những thành tựu của phát triển kinh tế đã góp phần tăng cường phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người. Từ tỷ lệ 58% hộ nghèo theo chuẩn nghèo đơn chiều năm

1993 đã giảm xuống 1,93% theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2024. Đã hoàn thành phổ cập giáo dục bậc tiểu học vào năm 2000, bậc trung học cơ sở năm 2014, tiến tới sẽ phổ cập giáo dục trung học phổ thông; gần 99% người lớn biết đọc, biết viết. Số sinh viên đại học, cao đẳng trong 40 năm qua đã tăng gần 20 lần, trung bình 215 người/1 vạn dân. Đời sống văn hóa của nhân dân cả nước được cải thiện, phát triển phong phú, đa dạng; nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được bảo tồn, phát huy trong giáo dục con người và phát triển kinh tế du lịch.

Ra khỏi thế bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại với hơn 230 nền kinh tế trên thế giới, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2024 đạt hơn 786 tỷ USD, trong đó xuất khẩu lần đầu tiên vượt quá mốc 400 tỷ (xuất siêu hơn 24 tỷ USD), trở thành đối tác thương mại lớn thứ 22 toàn cầu. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực mỗi năm 2 triệu tấn, Việt Nam là một trong ba nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới.

Hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phát triển rộng khắp, trong đó có những đơn vị được đầu tư xây dựng hiện đại và đồng bộ; nhiều cơ sở triển khai kỹ thuật chữa bệnh chuyên sâu, mang tầm quốc tế; 94,2% dân số có bảo hiểm y tế. Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí, định hướng giai đoạn 2025-2030 sẽ khám sức khỏe cho người dân một năm một lần và miễn viện phí cho toàn dân. Năm 2023, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đứng thứ 107/193, đạt mức cao trong nhóm các nước đang phát triển có thu nhập trung bình của thế giới⁽³⁾.

Trong bối cảnh thế giới biến chuyển nhanh chóng, phức tạp, khó lường, Việt Nam vẫn giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc. Sự ổn định chính trị - xã hội tạo điều kiện quan trọng để thu hút nhà đầu tư nước ngoài, mở rộng quan hệ hợp tác, hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện vào các tiến trình, chuỗi sản xuất của thế giới, tham gia tích cực vào việc duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới. Từ một quốc gia bị bao vây, cấm vận, tính đến tháng 6-2025, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 nước, trong đó 13 nước là đối tác chiến lược toàn diện. Đặc biệt, nước ta đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 4/5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (nước còn lại là đối tác chiến lược) và có quan hệ kinh tế - thương mại với 230 nền kinh tế trên thế giới⁽⁴⁾.

Như vậy, sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, tiềm lực đất nước được tăng cường mạnh mẽ, uy tín, vị thế trên trường quốc tế được nâng lên tầm cao mới; đồng thời, đất nước ta có một nền chính trị vững mạnh về tổ chức, về nguồn lực con người và năng lực quản lý phát

triển đất nước, một nền chính trị nhân văn, hiện đại, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Thành tựu đạt được là minh chứng cho sự phù hợp và tính đúng đắn của đường lối kết hợp xây dựng nền kinh tế tự chủ với chủ động hội nhập quốc tế. Đường lối này đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, đồng thời góp phần đáng kể vào việc cổ vũ ý chí, nuôi dưỡng khát vọng xây dựng quốc gia phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục. Những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường làm xuất hiện nhiều thách thức không nhỏ. Vì lợi nhuận, nhiều doanh nghiệp đã bất chấp pháp luật, đạo đức, sản xuất và kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng. Tình trạng phân hóa giàu - nghèo, bất bình đẳng xã hội có xu hướng gia tăng. Đại hội XIII chỉ rõ: “Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, bất cập. Năng lực xây dựng thể chế còn hạn chế; chất lượng luật pháp và chính sách trên một số lĩnh vực còn thấp. Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, minh bạch. Chưa tạo được đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển. Thể chế phát triển, điều phối kinh tế vùng chưa được quan tâm và chậm được cụ thể hóa bằng pháp luật nên liên kết vùng còn lỏng lẻo”⁽⁵⁾.

2.2. Giải pháp bảo đảm và giữ vững nền kinh tế độc lập, tự chủ trong kỷ nguyên phát triển mới

Một là, luôn giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước

Đây là vấn đề có tính nguyên tắc trong xác định đường lối, chiến lược phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong đó, độc lập, tự

chủ là khả năng của quốc gia trong việc bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và thực hiện quyền tự quyết lựa chọn chế độ chính trị, con đường, mô hình phát triển, về các chính sách đối nội, đối ngoại của mình, không bị sự áp đặt, lệ thuộc, thao túng từ bên ngoài. Độc lập, tự chủ được thể hiện trên tất cả các khía cạnh từ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hóa - xã hội, đối ngoại,... của đất nước.

Tuy nhiên, nội hàm của độc lập và tự chủ không phải là những giá trị bất di bất dịch. Trong thời đại toàn cầu hóa và hợp tác quốc tế sâu sắc hiện nay, hai khái niệm này mang tính tương đối và luôn tồn tại trong mối quan hệ phụ thuộc đa chiều giữa các quốc gia. Điều này đồng nghĩa với việc không thể tránh khỏi những ảnh hưởng tiêu cực từ biến động toàn cầu, các sức ép bên ngoài, hay thậm chí là sự can thiệp nhất định. Song, việc tham gia hội nhập không đồng nghĩa với việc đánh mất hay không thể duy trì

nền độc lập tự chủ; cũng như việc bảo vệ chủ quyền không đòi hỏi phải đóng cửa, tách biệt khỏi thế giới. Mức độ chịu tác động và phụ thuộc của mỗi quốc gia phụ thuộc căn bản vào năng lực tự cường, khả năng phục hồi, cùng với các quyết định chiến lược về lộ trình, phạm vi và đối tác hợp tác trong tiến trình hội nhập.

Để củng cố và duy trì độc lập, tự chủ, điều cốt yếu là tránh lệ thuộc vào bất kỳ đối tác hay thị trường nào trên bất cứ lĩnh vực nào. Cần theo đuổi chính sách đa dạng hóa quan hệ và đối tác

quốc tế. Kiên định nguyên tắc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; trọng tâm là dựa vào nội lực quốc gia, khơi thông và phát huy tối đa tiềm năng trong nước, đồng thời tận dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài.

Hai là, phát huy nội lực, tận dụng ngoại lực, nâng cao năng lực kiến tạo, quản trị quốc gia, tạo động lực tăng trưởng mới và phát triển bền vững

Việc xây dựng mô hình tăng trưởng mới không có nghĩa là đoạn tuyệt hoàn toàn với những động lực tăng trưởng cũ mà cần “làm

mới” các động lực cũ đó trên cơ sở ban hành, thực thi khuôn khổ chính sách, pháp luật để khuyến khích các thay đổi hành vi trong cả tiêu dùng, sản xuất và đầu tư.

Tận dụng tối đa các nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng mới, bao gồm kinh tế số, đổi mới sáng tạo, cải thiện hiệu suất lao động cùng năng suất tổng hợp, thúc đẩy và phát huy vai trò của khu vực tư nhân, và hoàn

thiện thể chế cho chuyển đổi số an toàn, bền vững, chuyển đổi năng lượng và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn của nền kinh tế đòi hỏi kiên trì thực hiện các mục tiêu dài hạn; phát huy năng lực nội sinh và tận dụng hiệu quả các yếu tố bên ngoài. Trọng tâm là nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nội địa và nền kinh tế. Phát triển đồng đều các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; đẩy nhanh giải ngân đầu tư

Trong bối cảnh thế giới biến chuyển nhanh chóng, phức tạp, khó lường, Việt Nam vẫn giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc. Sự ổn định chính trị - xã hội tạo điều kiện quan trọng để thu hút nhà đầu tư nước ngoài, mở rộng quan hệ hợp tác, hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện vào các tiến trình, chuỗi sản xuất của thế giới, tham gia tích cực vào việc duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

công, kích thích tiêu dùng, mở rộng thị trường nội địa và cải thiện năng suất lao động.

Về tận dụng ngoại lực, cần tối ưu hóa lợi ích từ đầu tư nước ngoài và đẩy mạnh xuất khẩu theo hướng bền vững. Ưu tiên củng cố thị trường xuất khẩu trọng điểm, truyền thống, đồng thời mở rộng thị phần sang khu vực mới, thị trường ngách, đáp ứng linh hoạt yêu cầu từ đối tác. Tận dụng tối đa các FTA thế hệ mới đã được ký kết, nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, đa dạng hóa sản phẩm và điểm đến đầu tư, xuất khẩu.

Tập trung vào 5 động lực chủ yếu về thúc đẩy liên kết vùng, phục hồi và tăng trưởng của các đầu tàu nền kinh tế; phát triển khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nội địa; đẩy mạnh kinh tế số, kinh tế xanh; hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế và nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu và nâng cao năng lực tự chủ, tự lực của nền kinh tế. Khuyến khích tư duy đổi mới, sáng tạo trong kiến tạo động lực tăng trưởng mới, khám phá các phương pháp tiếp cận cũng như tạo được môi trường cho ý tưởng mới được thử nghiệm và khuyến khích tinh thần sáng tạo trong mọi khía cạnh của đời sống.

Ba là, hoàn thiện thể chế về xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế

Xây dựng thể chế, chính sách phù hợp là một trong các tiền đề, điều kiện tiên quyết cho phát triển hiệu quả, bền vững. Thể chế phù hợp và tiến bộ sẽ thúc đẩy đổi mới và phát triển; ngược lại, nó sẽ cản trở sự sáng tạo và hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong xã hội. Bản thân thể chế mang tính biến động, đòi hỏi đổi mới và cập nhật không ngừng để bắt kịp trình độ phát triển của xã hội. Nâng cao chất lượng thể chế là bước đột phá quan trọng trong các chiến lược phát triển.

Trước tiên, cần chuyển sang tư duy lấy phục vụ xã hội và sự phát triển của dân tộc làm trọng

tâm. Mọi nỗ lực hoàn thiện thể chế phải lấy mục tiêu cốt lõi là thúc đẩy toàn diện đời sống xã hội và sự bền vững của chế độ chính trị. Loại bỏ trì trệ và bảo thủ chính là phương thức tự chủ để thực thi quyền quản trị quốc gia hiệu quả.

Chuyển từ tư duy thụ động sang tư duy chủ động, vượt trước, xây dựng thể chế dẫn dắt thay cho thể chế bám đuôi như trước đây. Cần thay đổi cách tiếp cận truyền thống đơn tuyến, phân mảnh theo ngành, vốn thiếu tính tổng thể, sang cách tiếp cận liên ngành, tích hợp, hài hòa lợi ích lâu dài. Điều này giúp hạn chế tình trạng chồng chéo trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật. Công tác xây dựng thể chế là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống quản trị quốc gia, từ trung ương đến địa phương, trong đó cả hai cấp cần cùng nhau định hình tư duy khai phóng, mở đường, khơi thông nguồn lực phát triển. Việc gỡ bỏ các điểm nghẽn thể chế cần được thực hiện đồng bộ thay vì phụ thuộc vào các cơ chế đặc thù cho từng địa phương riêng lẻ.

Tư duy xuyên suốt trong thiết kế thể chế và các hệ sinh thái thể chế cần đặt phát triển kinh tế làm trung tâm, coi việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là yếu tố then chốt, đồng thời lấy phát triển văn hóa làm nền tảng tinh thần cho toàn xã hội.

Đối với thể chế phát triển, hội nhập, yêu cầu đặt ra là phải thiết lập được sự gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu hội nhập sâu rộng và việc củng cố nền tảng độc lập và năng lực tự chủ của Việt Nam trong bối cảnh hệ thống thể chế toàn cầu không ngừng biến đổi.

Việc xây dựng nền kinh tế tự chủ trong bối cảnh hội nhập đòi hỏi phải hoàn thiện các cơ chế pháp lý liên quan. Điều này bao gồm củng cố nền tảng kinh tế quốc gia vững mạnh, kiện toàn hệ thống chính trị ổn định và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc trong quá

trình hội nhập không ngừng. Để tối ưu hóa hiệu quả và bảo vệ lợi ích dân tộc, tính tự quyết càng cần được nhấn mạnh; đồng thời, để thích ứng với môi trường quốc tế đầy biến động, mức độ tự chủ cần được nâng cao hơn nữa. Vì vậy, nhiệm vụ cấp bách là hoàn thiện hệ sinh thái thể chế nhằm tận dụng tối đa các cơ hội từ các hiệp định và thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

Song song đó, nhóm thể chế dẫn dắt và có chức năng định hướng chiến lược phát triển cần được đánh giá và chuẩn bị cho nhiều thập niên tới. Chẳng hạn: các quy chuẩn lựa chọn ngành nghề trọng điểm, mục tiêu phát triển lĩnh vực phải thống nhất với đường lối xây dựng nền kinh tế tự lực, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển theo định hướng XHCN, đồng thời xác định vị thế và trình độ phát triển của đất nước trong khu vực và toàn cầu. Những thể chế mang tính nguyên tắc trong lựa chọn ngành, vùng kinh tế và dẫn dắt đầu tư theo kế hoạch tổng thể dài hạn cần được điều chỉnh và bổ sung.

Bốn là, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Con người giữ vai trò trung tâm và là động lực cốt lõi của quá trình phát triển. Do đó, để xây dựng nền kinh tế thịnh vượng, độc lập, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt.

Các trường đại học cần đẩy mạnh hơn nữa vai trò đào tạo nhân lực, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài. Chú trọng công tác tuyển chọn, đào tạo và phát triển học sinh, sinh viên giỏi, đặc biệt ở các chương trình tài năng trong lĩnh vực khoa học cơ bản, nhằm tạo nền tảng vững chắc cho các nghiên cứu chuyên sâu.

Việc thu hút và phát triển đội ngũ nhà khoa học trẻ có tiềm năng, các chuyên gia đầu

ngành có đam mê nghiên cứu cần được đặc biệt quan tâm.

Bên cạnh đó, cần huy động sức mạnh tổng thể của các tổ chức, lực lượng xã hội và toàn hệ thống chính trị trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Mở rộng phong trào học tập suốt đời tới toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp.

3. Kết luận

Trong hành trình hướng tới một Việt Nam hùng cường và thịnh vượng, độc lập và tự chủ về kinh tế không chỉ là mục tiêu mang tính nguyên tắc, mà còn là yêu cầu sống còn của sự phát triển lâu dài. Việc bảo đảm độc lập, tự chủ về kinh tế trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay phải dựa trên sức mạnh nội tại, năng lực tự cường của nền kinh tế, khả năng thích ứng linh hoạt và năng lực khai thác hiệu quả các nguồn lực bên ngoài. Quan trọng hơn, đó là sự kết hợp hài hòa giữa khát vọng vươn lên của dân tộc với ý chí chính trị kiên định, giữa tầm nhìn chiến lược của Đảng và Nhà nước với nỗ lực sáng tạo, cống hiến không ngừng của toàn xã hội □

Ngày nhận: 26-7-2025; Ngày bình duyệt: 16-9-2025; Ngày duyệt đăng: 24-9-2025.

Email tác giả: hothuyhvctqg@gmail.com

(1) Các số liệu được tác giả tổng hợp theo số liệu công bố trên trang web của Cục Thống kê, nso.gov.vn.

(2), (3), (4) Xem Tạ Ngọc Tấn: *Cơ sở vững chắc cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*, <http://tapchiconsan.org.vn/>, ngày 23-3-2025.

(5) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.80.